

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 251 THÁNG 5 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 251 tháng 5 năm 2018.

1. Phát triển bảo hiểm xã hội đa tầng để thực hiện an sinh xã hội toàn dân: Kinh nghiệm một số nước và khuyến nghị đối với Việt Nam/ Nguyễn Thị Lan Hương, Mai Ngọc Cường// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 2 – 9

Tóm tắt: Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam, bài viết khuyến nghị định hướng, mô hình, thiết kế hệ thống và khuyến nghị một số giải pháp chuyển từ bảo hiểm xã hội (BHXH) đa trụ cột (BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (BHTNg), Bảo hiểm y tế (BHYT) hiện nay) sang phát triển BHXH đa tầng để thực hiện mục tiêu an sinh xã hội (ASXH) toàn dân ở Việt Nam. Theo đó, ở tầng thứ nhất là BHXH cơ bản/tối thiểu/toàn dân, mở rộng đối tượng bao phủ đến toàn dân, thực hiện BHXH cho tất cả người lao động thuộc khu vực phi chính thức, BHXH cho lao động là nông dân, BHXH cho người lao động thuộc các nhóm đặc thù (trong tuổi lao động nhưng không tham gia lao động) và người ngoài tuổi lao động nhưng không có thu nhập để đảm bảo cuộc sống tuổi già. Tầng thứ 2 là BHXH bắt buộc/ BHXH dựa trên nguyên tắc đóng-hưởng, thực hiện BHXH bắt buộc đối với toàn bộ người lao động, không phân biệt hình thức việc làm và quan hệ lao động. Tầng thứ 3 là BHXH tự nguyện, thực hiện theo một số ngành nghề đặc thù, mục tiêu là để những người thu nhập cao tự nguyện mức đóng để hưởng chế độ hưu trí tăng thêm.

Từ khóa: Bảo hiểm xã hội đa tầng; Bảo hiểm xã hội đa trụ; An sinh xã hội toàn dân

2. Quan điểm và giải pháp đột phá về khắc phục các rào cản thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam đến năm 2030/ Đỗ Đức Bình// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 10 – 20

Tóm tắt: Thực tế phát triển của Việt Nam trong hơn 30 năm qua cho thấy thể chế kinh tế đã tạo ra nhiều động lực, đà mới thúc đẩy kinh tế-xã hội của Việt Nam phát triển và nhiều thành tựu đã được cộng đồng quốc tế công nhận. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy thể chế kinh tế hiện tại đang tạo ra nhiều rào cản đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, làm cho khoảng cách phát triển của Việt Nam và các nước trong khu vực ngày càng xa hơn. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp nhà nước KX.01.03/16-20, bài viết sẽ làm rõ các rào cản chủ yếu về thể chế kinh tế như rào cản về hệ thống chính sách pháp luật, rào cản về tổ chức bộ máy và rào cản đối với các chủ thể

tham gia thị trường và đề xuất 05 nhóm giải pháp đột phá để khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam đến năm 2030.

Từ khóa: Rào cản thể chế kinh tế; Hạn chế; Bất cập; Quan điểm; Giải pháp đột phá

3. Tác động bất đối xứng của tỷ giá đến cán cân thương mại Việt Nam/ Phạm Thị Tuyết Trinh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 21 – 32

Tóm tắt: Nghiên cứu làm sáng tỏ tính bất đối xứng của tác động tỷ giá đến cán cân thương mại Việt Nam trong giai đoạn tháng 1 năm 2009 đến tháng 12 năm 2016 bằng cách sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy theo tiếp cận đường bao của Pesaran & cộng sự (2001) dưới dạng phi tuyến tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ giá có tác động bất đối xứng đến cán cân thương mại trong cả ngắn và dài hạn. Trong dài hạn, tỷ giá tăng và giảm đều ảnh hưởng đến cán cân thương mại theo kỳ vọng nhưng tỷ giá giảm có tác động mạnh gấp 6 lần tỷ giá tăng. Trong ngắn hạn, tỷ giá tăng không ảnh hưởng đến cán cân thương mại trong khi tỷ giá giảm có ảnh hưởng rất mạnh. Hiệu ứng đường cong J cũng được tìm thấy dưới dạng toàn phần.

Từ khóa: Bất đối xứng; Tỷ giá; Cán cân thương mại; Việt Nam

4. Thương mại nội ngành và vai trò của Việt Nam trong mạng lưới sản xuất Châu Á: Cách tiếp cận từ cấu trúc/ Nguyễn Bình Dương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 33 – 40

Tóm tắt: Sự tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế cùng với việc giảm bớt các rào cản thương mại đã tạo động lực cho các quốc gia tham gia vào chuyên môn hóa sản xuất quốc tế. Bài viết này nghiên cứu thương mại nội ngành (IIT) của Việt Nam và các nước châu Á. Thông qua việc phân tích chỉ số IIT trong 10 nhóm hàng cơ bản theo tiêu chuẩn SITC-Rev 3, bài viết phân tích cấu trúc thương mại nội ngành của Việt Nam trong những nhóm hàng có chỉ số IIT cao nhất. Kết quả cho thấy, trong mạng lưới sản xuất khu vực, Việt Nam chuyên môn hóa ở nhóm hàng nguyên liệu thô và nhiên liệu, trong đó thương mại nội ngành diễn ra chủ yếu ở các mặt hàng: quặng kim loại, dầu khí, quả và hạt có dầu. Ngược lại, một số mặt hàng như: than, nứa và gỗ, bột giấy phần lớn là thương mại liên ngành. Phần cuối của bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách để Việt Nam vượt qua các thách thức nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai.

Từ khóa: Châu Á; IIT; Thương mại nội ngành; Cấu trúc; Việt Nam

5. Các nhân tố giảm phân bổ sai và tái phân bổ nguồn lực tại khu vực chế tác Việt Nam/ Nguyễn Khắc Minh, Nguyễn Thị Phương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 41 – 50

Tóm tắt: Nghiên cứu xem xét ảnh hưởng chủ yếu của tự do hóa thương mại và kiểm soát tham nhũng tới giảm mức phân bổ sai nguồn lực, cũng như đóng góp của việc tái phân bổ

nguồn lực từ các doanh nghiệp gia nhập, rút lui và sống sót tới tăng trưởng năng suất tập trung vào các doanh nghiệp chế tác Việt Nam. Chúng tôi áp dụng khung nghiên cứu của Hsieh & Klenow (2009) để tính toán mức phân bổ sai và phân rã năng suất động của Olley & Pakes (1996) để đánh giá sự đóng góp các doanh nghiệp gia nhập, rút lui và sống sót tới thay đổi năng suất gộp. Nghiên cứu tìm thấy rằng tự do hóa thương mại và kiểm soát tham nhũng làm giảm phân bổ sai nguồn lực và tỷ lệ đóng góp của các công ty sống sót tới năng suất gộp và năng suất nhân tố tổng hợp giảm 44% và 28% trong cả giai đoạn 2000-2013.

Từ khóa: Phân rã năng suất động; Khu vực chế tác; Phân bổ sai nguồn lực; Năng suất nhân tố tổng hợp

6. Chất lượng quản trị công và giảm nghèo ở các huyện của Việt Nam/ Trần Quang Tuyền, Lê Thiết Lĩnh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 51 – 59

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp ước lượng ở phạm vi địa lý nhỏ để tính toán các chỉ số về mức sống và quản trị công ở các huyện của Việt Nam trong thời kỳ 2010-2014. Tiếp theo đó, chúng tôi áp dụng mô hình probit tỷ lệ với ước lượng tác động cố định (fixed-effect fractional probit) để đánh giá tác động của quản trị công tới giảm nghèo ở hai chỉ số là tỷ lệ nghèo và độ sâu của nghèo. Kết quả phân tích kinh tế lượng cho thấy các huyện có chất lượng quản trị công tốt sẽ có tỷ lệ nghèo và độ sâu của nghèo thấp hơn, sau khi đã kiểm soát về mức độ tăng trưởng chi tiêu và bất bình đẳng giữa các huyện. Điều đó hàm ý rằng quản trị công tốt có hai tác động quan trọng: thứ nhất, giảm tỷ lệ nghèo hay nói cách khác là giúp người nghèo thoát nghèo; thứ hai, giảm mức độ thiếu hụt của người nghèo hay nói cách khác là làm cho người nghèo bớt nghèo hơn. Kết quả trên hàm ý rằng chính quyền địa phương đóng vai trò tích cực trong giảm nghèo qua việc nâng cao chất lượng quản trị công.

Từ khóa: Nghèo cấp huyện; PAPI; Probit tỷ lệ; Dữ liệu mảng; Ước lượng tác động cố định

7. Huy động vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra/ Nguyễn Thị Thu Cúc, Phạm Thị Thúy Hằng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 60 – 65

Tóm tắt: Bài viết đánh giá và phân tích hai hình thức huy động vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, đó là huy động từ các nguồn vốn tư nhân, huy động từ các nguồn vốn nước ngoài. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn được coi là yếu tố quyết định đến phát triển hạ tầng giao thông ở Việt Nam để thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh ngân sách nhà nước hạn hẹp, nhu cầu về vốn phát triển hạ tầng giao thông ngày càng lớn nên việc xã hội hóa các

kênh huy động vốn là yếu tố cấp thiết để giải quyết “bài toán” vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng giao thông ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Vốn ngân sách nhà nước; FDI; Vốn đầu tư; ODA; Hạ tầng giao thông

8. Hiệu ứng kỳ nghỉ lễ và lợi nhuận chứng khoán: Nghiên cứu thực nghiệm tại thị trường chứng khoán Việt Nam/ Phạm Đan Khánh, Phạm Thành Đạt// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 66 – 72

Tóm tắt: Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về hiệu ứng kỳ nghỉ lễ đối với lợi nhuận chứng khoán và các vấn đề lý giải tác động của kỳ nghỉ lễ. Bài viết phản ánh lợi nhuận chứng khoán cao bất thường trước các kỳ nghỉ lễ tại sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. Cụ thể, lợi nhuận chứng khoán trước Tết Nguyên Đán thường cao hơn so với sau Tết Nguyên Đán tại sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh qua các thống kê mô tả và kiểm định thống kê.

Từ khóa: Kỳ nghỉ lễ; Chứng khoán; Lợi nhuận chứng khoán; Tết Nguyên Đán

9. Ảnh hưởng của việc niêm yết đến tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp dược Việt Nam/ Phạm Đức Cường, Nguyễn Phương Linh, Vũ Thị Huyền Trang// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 73 – 82

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của việc niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam đến tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Dược phẩm. Bài viết sử dụng dữ liệu là báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 13 doanh nghiệp Dược đang niêm yết trên hai thị trường chứng khoán của Việt Nam. Sử dụng phương pháp so sánh các tỷ suất tài chính giữa hai thời điểm trước và sau khi niêm yết với kiểm định phi tham số Wilcoxon. Kết quả phân tích cho thấy có sự cải thiện về khả năng thanh toán, về dòng tiền, về khả năng sinh lợi, và về doanh thu thực của các doanh nghiệp dược trong mẫu nghiên cứu tuy nhiên sự khác biệt không nhiều. Dựa trên kết quả phân tích, bài viết đề xuất một số kiến nghị tiếp tục chương trình cổ phần hóa và niêm yết của các doanh nghiệp trên sàn chứng khoán Việt Nam.

Từ khóa: Tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động; Niêm yết; Doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam

10. Hiệu quả điều hành của chính phủ, kiểm soát tham nhũng và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: Bằng chứng thực nghiệm từ các nước Asean/ Cảnh Chí Hoàng, Bùi Hoàng Ngọc// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 83 – 91

Tóm tắt: Các nghiên cứu trước về mối quan hệ giữa hiệu quả điều hành của Chính phủ, tham nhũng và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cho nhiều kết luận không tương đồng. Một số nghiên cứu tìm thấy tác động, một số nghiên cứu không tìm thấy mối quan hệ. Nghiên cứu này ứng dụng phương pháp hồi quy không gian, sử dụng dữ liệu dạng bảng

động trong 12 năm từ 2005-2016 của 11 nước ASEAN để kiểm định tác động của hiệu quả điều hành của Chính phủ, kiểm soát tham nhũng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bài viết tìm thấy bằng chứng thống kê mạnh mẽ là kiểm soát tham nhũng và hiệu quả hoạt động của Chính phủ sẽ giúp tăng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và giữa các nước ASEAN có tồn tại hiệu ứng lan tỏa chính sách kinh tế. Từ đó bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách phù hợp với điều kiện thực tế cho Việt Nam.

Từ khóa: Tham nhũng; Thu hút FDI; Hội quy không gian; Asean

11. Ảnh hưởng của các nhân tố đổi mới sáng tạo tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam/ Lê Thị Thu Hà// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 251 tháng 5/2018 .- Tr. 92 – 102

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đổi mới sáng tạo tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi với lãnh đạo các doanh nghiệp và dữ liệu được phân tích bằng phương pháp phân tích đa biến (Cronbach Alpha test, phân tích khẳng định nhân tố - CFA, mô hình cấu trúc tuyến tính - SEM). Kết quả nghiên cứu từ 144 doanh nghiệp cho thấy nhân tố năng lực với thị trường và khách hàng có tác động trực tiếp đến kết quả tài chính và ba nhân tố (1) khả năng nhận biết và khai thác tri thức, (2) khả năng nắm bắt cơ hội và (3) khả năng thay đổi trong quản lý có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả phi tài chính và ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả tài chính. Kết quả phi tài chính có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tài chính của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhân tố khả năng khác biệt hóa không ảnh hưởng tới kết quả tài chính và phi tài chính.

Từ khóa: Kết quả kinh doanh; Đổi mới sáng tạo; Doanh nghiệp Nhật Bản

Trung tâm Thông tin Thư viện